

Họ và Tên: _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Bài Tập Tại Nhà #07 ***Bài Số 14 – Ng***

I. Em hãy tập đánh vần và viết mỗi chữ sau đây 3 lần, sau đó học thuộc lòng nghĩa tiếng Anh. [Practice spelling, then write each word 3 times on the spaces given and memorize the English meaning of the words.]

1. *Nga – Russia or name of a person*

2. *Té ngã – to fall; to tumble down*

3. *Ngà voi – elephant's tusk*

4. *Ngày – day, date*

5. *Ngó – to look at*

6. *Ngò – cilantro*

7. *Ngô – corn*

8. *Ngủ – sleep*

9. Ngủ mê – *dream; sleep soundly*

10. Ngủ khò (ngủ khì) – *sleep soundly; sleep like a log*

11. Ngư phủ – *fisherman*

**II. Em sắp chữ lại cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.
Arrange the words for each sentence that makes most sense and then
write them down to the line below**

1. ăn phở / em / không có ngò / thích

2. bẻ ngô / phụ / Nga / bà

3. có / con gì / ngà ?

4. em / u đầu / té ngã

5. giả bộ / em bé / ngủ mê

III. Em hãy thay thế một hay tất cả những chữ gạch dưới để làm thành một câu mới. Sau đó dịch sang tiếng Anh
Replace the underlined word (or words) to make a new sentences and then translate the new sentences into English.

Ví dụ

Nhi phụ bà bẻ ngô (Nhi helps grandma pick up corn)

Em phụ mẹ bẻ ngô (I help mom pick up corn)

1. Em té ngã u đầu (I fell down and bump my head)

2. Em bé giả bộ ngủ mê (The baby pretend to sleep soundly)

3. Con chó đang ngó em (A dog is looking at me)

4. Hôm nay là ngày 11 (Today is the 11th)

5. Chú em là ngư phủ (My uncle is a fisherman)

Xin phụ huynh ký tên: _____